UBND XÃ HẢI CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025- 2026

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT- Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Vị trí việc làm			Chuẩn nghề nghiệp Năm 2024-20225				Hoàn thành BDTX
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	GVMN Hạng I	GVMN Hạng II	GVMN Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	CĐ	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**31**	**0**	**0**	**16**	**8**	**5**	**2**	**0**	**8**	**15**	**15**	**8**	**0**	**0**	**31**
I	**Giáo viên**	**20**	**0**	**0**	**12**	**8**	**0**	**0**	**0**	**5**	**15**	**12**	**8**	**0**	**0**	**20**
1	Nhà trẻ	4			2	2	0		0	1	3	1	3	0	0	4
2	Mẫu giáo	16			10	6	0		0	4	12	11	5	0	0	16
II	**Cán bộ quản lý**	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**3**
1	Hiệu trưởng	1			1					1	0	1	0	0	0	1
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2	0	2	0	0	0	2
III	**Nhân viên**	**8**	**0**	**0**	**1**	**0**	**5**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8**
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											1
3	NV văn thư kiêm Thủ quỹ	1					1									1
4	Nhân viên y tế	0				0										0
5	Nhân viên nấu ăn, BV	6				0	4	2								6
..	..															

Diễn Hoàng, ngày 09 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI CHÂU TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN HOÀNG

Hoàng Thị Tuyết

Scanned with CamScanner

UBND XÃ HẢI CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở GDMN, năm học 2025- 2026

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT- Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	**Số điểm trường**	**1**	
II	**Tổng diện tích đất toàn trường (m^2)**	**5.056**	Bình quân 0,1.67 m^2/trẻ/1.5m2/trẻ theo quy định
III	**Tổng diện tích sân chơi (m^2)**	**1.550**	
IV	**Số lượng hạng mục các khối phòng**		
1	**Khối phòng hành chính quản trị**	**8**	Phòng HT, PHT, văn phòng, kế toán, nhân viên, BV, Khu VS CBGVNV, Khu để xe GV
2	**Khối phòng ND CS & GD trẻ em**		
2.1	*Phòng Nuôi dưỡng và CS GD trẻ*		
a	*Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học và ăn*	*11*	7 phòng xuống cấp, 4 phòng diện tích không bảo đảm
b	*Phòng ngủ*	*0*	
c	*Khu vệ sinh cho trẻ*	*6*	Thiếu diện tích, thiếu số lượng bồn cầu
d	*Hiên chơi*	*22*	Mỗi lớp 2 hiên nhưng diện tích không bảo đảm, hiên chật, trẻ không có không gian để hoạt động
2.2	*Phòng GD Thể chất -Nghệ thuật*	*01*	Thiếu phòng GD thể chất.
2.3	*Sân chơi riêng*	*02*	
3	**Khối phòng tổ chức ăn**		Bảo đảm theo quy định
3.1.	Nhà bếp	1	Diện tích 150.5m^2, BQ 05m^2/trẻ
3.2	Kho bếp	1	Phân chia kho lương thực và TP
4	**Khối phụ trợ**		
4.1	Phòng họp	0	
4.2	Phòng y tế	1	
4.3	Nhà kho 60m2	0	
4.4	Sân vườn	2	Thấp , xuống cấp
4.5	Cổng hàng rào	x	Bảo đảm
5	**Hạ tầng kỹ thuật**		
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	**X**	Nước uống, ăn bảo đảm nước máy và nước qua hệ thống lọc, nước sinh hoạt chưa bảo đảm vì dùng nguồn giếng khoan
5.2	Hệ thống cấp điện	**x**	Bảo đảm
5.3	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	**x**	Bảo đảm
5.4	Hạ tầng công nghệ thông tin	**x**	Có 3 mạng intenet , có trang thông tin điện tử
5.5.	Thu gom rác thải	**x**	Có nơi tập kết và thực hiện thu gom theo địa phương
7	**Thiết bị dạy học**		
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu(Bộ)	11	Có 4 lớp 5 tuổi, 2 tuổi đủ theo quy định, các lớp còn lại thiếu đàn oocgan và một số ít thiết bị khác
	Tổng số đồ chơi ngoài trời	24	26 cái/ 5 loại
	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập	15	4 máy tính và 12 ty vi

Diễn Hoàng, ngày 02 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Tuyết

Scanned with CamScanner

UBND XÃ HẢI CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN HOÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN, ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ 1, NĂM HỌC 2025-20246

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT- Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2,3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức tối đa	Kết quả		Ghi chú
		Đạt mức	Không đạt	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.				
1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	3	3		
1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác	2	2		
1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	3	3		
1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	3	3		
1.5. Tuyển sinh Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	2	2		
1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	3	3		
1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	2	2		
1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục	2	2		
1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	2	2		
1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	2	2		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.				
2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	3	3		
2.2. Đối với giáo viên	3	2		
2.3. Đối với nhân viê	3	3		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.				
3.1. Địa điểm, quy mô, diện tích	3		x	Do ở mức 1-chỉ báo c: diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình Khối phòng hành chính quản trị; các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ; phòng tổ chức ăn; phụ trợ theo PL I của Thông tư 13/2000/TT-BGD ĐTkhông đạt).
3.2. Các hạng mục công trình đảm bảo CSVC tối thiểu	3		x	Không đạt KĐCL mức 1 do các hạng mục CSVC sau chưa đáp ứng mức tối thiểu: Chưa có phòng nhân viên; phòng sinh hoạt chung xuống cấp, chưa có nơi ngủ riêng cho nhà trẻ; khu vệ sinh cho trẻ không đủ diện tích; lối đi lại khu VS 5-6 tuổi không thuận tiện, số lượng bồn cầu thiếu; Hiên chơi không đảm bảo diện tích, thiếu tin học, ngoại ngữ; có nơi làm thư viện cho trẻ nhưng không bảo đảm yêu cầu thư viện theo chuẩn

Scanned with CamScanner

				của KĐCL do: Thiếu phòng giáo dục thể chất (yêu cầu CSVC mức 1). Chưa có Thư viện theo chuẩn mức 2,3. Các lớp kho chưa có hoặc có nhưng tạm bợ.
3.3. Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu	3		x	Các hạng mục công trình cấp 4 xuống cấp, chưa có công trình kiên cố (*chưa đạt yêu cầu CSVC mức tối thiểu, tương đương yêu cầu KĐCL mức 1*). Thiết bị, đồ dùng cho các lớp dưới 5 tuổi còn thiếu số lượng của một số hạng mục. Đồ dùng, đồ chơi thiết bị các lớp chưa hiện đại, chưa có nhiều thiết bị để áp dụng chương trình tiên tiến vào dạy học.
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
4.1.Ban đại diện cha mẹ trẻ	3	3		
4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	3	3		
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ				
5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	3	3		
5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	3	3		
5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ	3	3		
5.4. Kết quả giáo dục.	3	3		

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

ND tiêu chí	Đạt	Không đạt	ND tiêu chí	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 1	x		Tiêu chí 4		x
Tiêu chí 2	x		Tiêu chí 5		x
Tiêu chí 3		x	Tiêu chí 6		x

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 19/22; Tỷ lệ 86,4%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 19/22; Tỷ lệ 86,4 %.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 12/16; Tỷ lệ 75,0 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1, mức 2: 3/22; tỷ lệ 13,6 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 4/16; Tỷ lệ 25,0 %.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: 2/6; Tỷ lệ 33,3%;
- Số lượng tiêu chí đạt không Mức 4: 4/6; Tỷ lệ 76,7%.

Căn cứ Điều 6 "Các mức đánh giá trường mầm non" tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ GD&ĐT và thông tư 22/ 2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, trường mầm non **Diễn Hoàng Không đạt kiểm định chất lượng mức độ 1**

2. Kết luận: Trường mầm non Diễn Hoàng không đạt kiểm định chất lượng mức 1

Diễn Hoàng, ngày 09 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Tuyết

UBND XÃ HẢI CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024- 2025

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT- Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

Đơn vị tính: trẻ em

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TRẺ	NHÀ TRẺ			MẪU GIÁO		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	301	0	0	42	78	68	113
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	*0*	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	301	0	0	42	78	68	113
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	2	0	0	0	0	0	2
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	301	0	0	42	78	68	113
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	301	0	0	42	78	68	113
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	301	0	0	42	78	68	113
V	**Kết quả phát triển sức khỏecủaTE**	301	0	0	42	78	68	113
1	Số trẻ em cân nặng bình thường	285	0	0	41	72	65	106
2	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	7	0	0	0	4	3	0
3	Số tre em có chiều cao bình thường	287	0	0	39	70	65	113
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	14	0	0	3	8	3	0
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	10	0	0	1	2	0	7
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	301	0	0	42	78	68	113
1	**Chương trình giáo dục nhà trẻ**	42	0	0	42	0	0	0
2	**Chương trình giáo dục mẫu giáo**	259	0	0	0	78	68	113

Diễn Hoàng, ngày 09 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON DIỄN HOÀNG

Hoàng Thị Tuyết

Scanned with CamScanner